

RUỘNG CHÙA TRONG LỊCH SỬ PHONG KIẾN VIỆT NAM (THẾ KỈ X-XIX)

PAGODA FIELDS IN THE FEUDAL HISTORY OF VIETNAM (X-XIX CENTURY)

Nguyễn Duy Phương

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; Email: phuongduyls@gmail.com

Tóm tắt - Ruộng chùa là tư liệu sản xuất chính, là nguồn sống quan trọng của một tầng lớp cư dân đặc biệt – đó là sư tăng ở các chùa. Với tư tưởng nhập thế, sư tăng ở Việt Nam luôn thể hiện được vai trò của mình trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó có cả kinh tế. Cùng với sự thịnh suy của Phật giáo, ruộng chùa không ngừng biến đổi qua các thời kì lịch sử. Bài viết sẽ khái quát quá trình phát triển của ruộng chùa từ thế kỉ X-XIX nhằm giúp chúng ta hiểu rõ hơn nguồn gốc, đặc trưng của loại ruộng đất đặc biệt này, đồng thời qua đó cũng khẳng định sức sống mạnh mẽ của Phật giáo trong lòng dân tộc Việt.

Từ khóa - ruộng chùa, phật giáo, sư tăng, ruộng, chùa chiền.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử chế độ ruộng đất Việt Nam, ruộng chùa là một bộ phận ruộng đất khá đặc biệt, bởi lẽ nó là tư liệu sản xuất chính, là nguồn sống quan trọng của một tầng lớp cư dân đặc biệt – đó là sư tăng ở các chùa. Việt Nam vốn là một quốc gia luôn coi trọng Phật giáo, sư tăng luôn chiếm một số lượng đáng kể trong dân chúng, với tư tưởng nhập thế họ luôn thể hiện được vai trò của mình trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó có cả kinh tế. Cùng với sự thịnh suy của Phật giáo, ruộng chùa cũng không ngừng biến đổi qua các thời kì lịch sử.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Vài nét về Ruộng chùa

Ruộng chùa hay còn gọi là ruộng tam bảo là loại ruộng đất xuất hiện cùng với sự ra đời của các ngôi chùa – cơ sở thờ tự của Phật giáo. Đây là cơ sở kinh tế chính của nhà chùa. Phần lớn ruộng chùa do các sư tăng, đạo hữu, phật tử của chùa canh tác, chỉ một số chùa lớn có nhiều ruộng đất thì nhà chùa cho nông dân phát canh thu tô. Hoa lợi được dùng để phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của sư tăng và các hoạt động Phật sự của chùa.

Ruộng của một ngôi chùa có thể có nhiều hình thức khác nhau. Đó có thể là công điền hay tư điền, thậm chí có cả hai hình thức sở hữu này. Ruộng chùa có hình thức sở hữu là công điền khi ruộng đất đó được nhà nước cấp hay do làng xã trích từ ruộng đất công cúng cho chùa. Còn đối với ruộng chùa là tư điền khi ruộng này do các cá nhân cúng cho chùa hoặc chùa tự mua, tự khai hoang.

2.2. Ruộng chùa thế kỉ X-XIV

Ngay từ đầu thời kì độc lập, triều Đinh - Tiền Lê đã quan tâm phát triển Phật giáo, ở kinh đô Hoa Lư, triều đình đã cho xây dựng nhiều chùa chiền (chùa Bà Ngô, chùa Nhất Trụ...) và các cột kinh Phật. Tuy nhiên, Phật giáo hưng thịnh nhất là thời Lý, Trần. Hầu hết các vua Lý (Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Thần Tông, Anh Tông) và nhiều vua Trần (Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông) đều sùng Phật. Nhiều quý tộc, tôn thất đã quy y Phật

Abstract - Pagoda fields are the main production material and important means of support for a special class of residents - Buddhist monks in pagodas. With their viewpoint of entering into life, Buddhist monks in Vietnam have always showed their role in all spheres of life, including economy. Along with the rise and fall of Buddhism, pagoda fields have been changing through different periods in history. The paper outlines the development process of pagoda fields from X-XIX century in order to help us better understand the origin and the characteristics of this particular type of land, thereby also confirms the strong vitality of Buddhism in the heart of the Vietnamese people.

Key words - pagoda fields; buddhism; buddhist monks; pagodas

như Hoàng hậu Ý Lan, thậm chí vua Trần Nhân Tông còn xuất gia theo Phật, hình thành nên trường phái Trúc Lâm Yên Tử... Khắp nơi chùa chiền được xây dựng, chùa Diên Hựu, cụm quần thể chùa tháp Yên Tử, tháp Báo Thiên... đều được xây dựng trong thời kì này. Ngoài ra, triều đình còn cho tô tượng, đúc chuông, dịch kinh Phật, soạn sách Phật. Đông đảo quần chúng bình dân cũng theo Phật. Nhận xét của Lê Quát sống vào đời Trần đã phân nào phản ánh thực tế này: *“Từ trong kinh thành cho đến ngoài phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin, hễ nơi nào có nhà ở ắt có chùa chiền... dân chúng quá nửa sư sãi”* [4, tr.96].

Để nuôi sống một số lượng tăng đồ lớn như vậy, thiện nam tín nữ đã cúng tiền, cúng ruộng cho nhà chùa khá nhiều. Ruộng chùa có thể do nhà vua cất ruộng công ban cho, nhưng cũng có nhiều quý tộc, quan lại và cả dân thường tự trích phần ruộng của mình cúng cho chùa. Trong tác phẩm Lịch sử Phật giáo Việt Nam của tác giả Nguyễn Tài Thư đã cho biết *“Theo bia chùa Vạn Phúc tức chùa Phật Tích ở Tiên Sơn, Hà Bắc. Năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1075), nhà vua đã cho xây trên 100 ngôi chùa ở đây và cúng hơn 100 thửa ruộng. Theo bia và bài minh trên chuông chùa Thần Quang, nay là chùa Keo ở Vũ Thư Thái Bình, Triều Lý đã cúng cho chùa này số ruộng là 1372 mẫu 2 sào”* [8, tr.49]. Đến thời Trần, việc cấp ruộng cho các chùa tiếp tục phát triển cao hơn, theo Bia Thần quang tự bi và chuông Thần Quang tự dựng đúc năm Chính Hòa thứ 19 (1698), chùa Quỳnh Lâm có khoảng 1.089 mẫu 9 sào 5 thước 6 tấc do triều Lý cấp và 100 mẫu ruộng do triều Trần cấp. Bia Sùng Thiện Diên Linh tự bi minh dựng năm 1121 ở chùa Đọi (Thanh Liêm – Hà Nam Ninh) cũng đã ghi lại việc Linh Nhân Thái hậu cúng một khu liền 72 mẫu ở xứ Mản Đê thuộc 2 xã Cẩm Trục và Thục Lăng huyện Cẩm Giàng (Cẩm Bình – Hải Hưng) cho chùa này làm ruộng hương đèn vĩnh viễn muôn đời. Đặc biệt, dân chúng dù không có nhiều ruộng đất như tầng lớp tôn thất, quan lại nhưng họ cũng không hề thua kém trong việc cúng ruộng cho chùa. Theo Báo Ân thiên tự bia kí, dựng năm 1209 ở xã Tháp Miếu (Yên Lãng, Vĩnh Phúc) cũng đã ghi lại việc

một người họ Nguyễn bỏ ra hơn 100 quan tiền mua được 120 mẫu ở các đồng Phan Thượng, Phan Hạ, Tiểu Bì, Đồng Hàn, Đồng Trù, Đồng Sơn cúng cho chùa.

Ruộng đất của chùa có thể không ở trong khuôn viên chùa hoặc gần chùa mà ở nhiều khu vực rất xa chùa, chẳng hạn trường hợp chùa Đọi (Thanh Liêm – Hà Nam Ninh) được Linh Nhân Thái hậu cúng một khu liền 72 mẫu ở xứ Mản Đề thuộc 2 xã Cẩm Trục và Thục Lăng huyện Cẩm Giàng (Cẩm Bình – Hải Hưng). Ta thấy chùa thì ở Duy Tiên, tỉnh Hà Nam Ninh mà ruộng thì ở Cẩm Bình, tỉnh Hải Phòng. Như vậy, một chùa có thể có nhiều ruộng và ruộng có thể ở nhiều nơi. Nhìn về mặt phân bố ruộng đất của các chùa lớn như Quỳnh Lâm, Phật Tĩnh, Thần Quang... cho thấy một thực tế là ruộng đất của các chùa trong thời kì này thường không tập trung thành những khu vực rộng lớn mà bị chia nhỏ thành nhiều khu vực khác nhau, điều này chắc chắn sẽ gây không ít khó khăn trong việc quản lý và canh tác bộ phận ruộng đất này.

Ngoài hình thức ban cấp ruộng đất, triều Lý – Trần còn có chế độ miễn mọi tô thuế, nghĩa vụ cho một số thôn, xã để họ lo phụng sự hương khói đèn nhang cho một chùa nào đó.

Có thể thấy, ruộng của các chùa thời Lí Trần đã chiếm số lượng khá lớn và số tăng ni, Phật tử trở nên quá đông. Vì vậy đến năm 1396, triều đình ra lệnh buộc các tăng đạo chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục nhưng bộ phận ruộng chùa thì không có bất cứ một sắc lệnh nào về sự chuyển đổi hay thu hồi. Trong suốt 175 năm tồn tại của nhà Trần, triều đình không có một chính sách nào đối với loại ruộng này, cho dù nó lớn đến mức nào. Nhà nước không thu thuế, không quy định mỗi chùa được sở hữu bao nhiêu, mặc nhiên thừa nhận sự tồn tại và phát triển của nó. Không những thế, các tầng lớp nhân dân, kể cả các tầng lớp lãnh đạo đất nước đều không sên tiếc khi cúng tiền, ruộng vào chùa. Đây cũng là một điểm hết sức đặc biệt ở thời Lí, Trần mà ta ít thấy nó phát triển ở các thế kỉ sau.

2.3. Ruộng chùa trong thế kỉ XV

Sang thế kỉ XV, dưới triều Hồ đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, nền sản xuất bị suy yếu, ruộng đất bỏ hoang, chùa chiền cũng bị tàn phá “*Mười phần không được một, và số còn lại ấy cũng mưa bay, gió chuyển, đổ ngã xiêu nghiêng*” [2, tr.195].

Đến đầu thời Lê, sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Nhà nước đã ban thưởng rất hậu cho các tướng sĩ, chế độ ban cấp ruộng đất cũng được mở rộng với các đối tượng như quan lại, công thần, các làng, địa phương có công với kháng chiến... Chế độ ban cấp ruộng đất đã củng cố và tạo điều kiện để chế độ tư hữu ruộng đất phát triển, hoạt động mua bán, trao đổi ruộng đất trở nên phổ biến. Nhưng vì Phật giáo không còn được tôn sùng như trước nên Nhà nước không ban cấp ruộng cho chùa nữa và cũng hạn chế việc xây dựng các chùa lớn.

Tuy không được nhà nước quan tâm nhưng Phật giáo vẫn tồn tại trong xã hội, được mọi giới thừa nhận, nhất là quần chúng nhân dân. Nhiều chùa tháp vẫn được xây dựng như: Lê Sát cho xây chùa Thanh Đàm, Chùa Độ rộng đến 90 gian. Chùa Báo Thiên ở kinh thành cũng được mở rộng, rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân về cầu đảo. Bản thân Lê

Thành Tông một người rất sùng Nho học vẫn phải thừa nhận sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với nhân dân “*Giáo lý Phật, Lão hết thảy đều mê đời, lừa dân, che lấp nhân nghĩa, cái hại của nó không kể xiết mà lòng người vẫn rất ham tin. Đạo của Thánh hiền (Nho giáo) đều thiết dụng trong cuộc sống thường ngày mà lòng ham thích của người ta lại chẳng bằng Phật Lão*” [1, tr.308].

Mặc dù, Phật giáo vẫn còn tồn tại và phát triển trong nhân dân nhưng đã bị suy yếu rất nhiều, thêm nữa, trong những năm tháng chịu sự xâm lược, thống trị nhà Minh, nhiều chùa chiền bị tàn phá, hầu hết các cơ sở kinh tế của chùa cũng tan rã. Đây đó còn một vài cơ sở ruộng đất của các ngôi chùa cũ, song những người cày đã thế tục hóa. Những bia, chuông còn lại không nhắc gì đến một nền kinh tế nông nghiệp lớn nào của chùa nữa.

2.4. Ruộng chùa thế kỉ XVI- XVIII

Đến thời Mạc, Nhà nước sùng Nho nhưng không độc tôn Nho giáo, chùa chiền không những được trùng tu, sửa chữa mà còn được xây mới ở khắp nơi. Việc đúc chuông, tô tượng, dựng bia, cúng ruộng khá nhộn nhịp, tục cúng hậu lại có điều kiện để tiếp tục phát triển. Kể từ năm 1527 đến năm 1592, hàng trăm ngôi chùa lớn nhỏ được nhân dân, quan lại, quý tộc dựng mới hoặc trùng tu, lập bia, đúc chuông, tô tượng bê thế, Khang trang. Nhiều văn bia thời Mạc đã ghi lại rất rõ thực tế này. Theo tư liệu văn bia, có hàng trăm thành viên trong hoàng tộc và các đại thần của triều đình tham gia tu bổ và xây chùa Phật. Trong số những thành viên của hoàng tộc cung tiến tiền của xây dựng chùa, trước hết phải kể đến các vị vua như Mạc Phúc Nguyên đã ban “*Cân tiền*” cho chùa Linh Cảm (Tứ Sơn – Bắc Ninh, 1557), Mạc Mậu Hợp cúng 20 lạng bạc vào chùa Hoa Tân (Hải Phòng, năm 1582). Đặc biệt nhất là bà Thái Hoàng Thái Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn, bà rất mộ Phật, đã cúng đến 30 mẫu ruộng và 6000 lá vàng cùng bạc tiền cho trên chục ngôi chùa ở khu vực Dương Kinh và vùng phụ cận. Do công đức xây chùa, bà được dân gian tôn phong “*là mẫu nghi thiên hạ, là Phật sống trên trần gian, dân làng nhiều nơi tạc tượng bà thờ cúng*”. Ngoài ra, Quận công Mạc Ngọc Liễn và Phúc Thành Thái trưởng công chúa cũng tham gia xây dựng rất nhiều ngôi chùa. Ở những nơi xa kinh kỳ như Ninh Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Phú Thọ, việc xây dựng chùa đều do các quan địa phương khởi xướng với sự tham gia đóng góp của nhân dân trong các làng xã.

Sự hưng khởi của Phật giáo vào thời nhà Mạc còn thể hiện ở chính sách của nhà nước đối với ruộng chùa. Nhà Mạc cho phép cá nhân cúng ruộng vào chùa dưới dạng làm công đức và đặt hậu. Chính vì vậy, dưới thời Mạc hầu như chùa nào cũng có ruộng, trong đó nhiều chùa có số ruộng lớn hàng chục mẫu như chùa Pháp Vũ (Thường Tín – Hà Nội) 70 mẫu, chùa Hoa Tân (Hải Phòng) 50 mẫu, chùa Nghiêm Quang (Hải Phòng) 31 mẫu, chùa Thiên Phúc (Hải Phòng) 25 mẫu 1 sào 2 thước.

Thời kì này, nhiều làng xã cho khắc lại bia kí ruộng đất của chùa như chùa Thánh An ở xã Phù Than, huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc; chùa Thâm Quang tức chùa Keo ở xã Hành Nghĩa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Trong số 146 bia thời Mạc được tìm thấy thì có 109 bia liên quan đến vấn đề ruộng đất của chùa, việc xây dựng, thành phần cúng dường. Qua đó, có thể khẳng định, dưới thời Mạc,

Phật giáo đã được khôi phục trở lại, theo đó ruộng chùa cũng ngày càng được mở rộng về diện tích lẫn quy mô.

Sang thế kỉ XVII, XVIII, đất nước bước vào giai đoạn khủng hoảng do các cuộc chiến tranh: Nam - Bắc triều, Trịnh- Nguyễn, Tây Sơn - Nguyễn, Tây Sơn - Trịnh. Trước tình hình đó, Phật giáo cũng chịu nhiều ảnh hưởng. Tuy nhiên, trong các giai đoạn này một số chính quyền phong kiến vẫn quan tâm đến việc khôi phục và phát triển Phật giáo. Đặc biệt dưới thời chúa Nguyễn, hầu hết các chúa Nguyễn đều là những người rất mộ Phật, họ xem Phật giáo như là chỗ dựa tinh thần cho việc lập quốc an dân trên vùng đất mới, nhờ đó, Phật giáo ngày càng phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng trên đất Đàng Trong.

Đi liền với việc trùng tu, xây mới chùa chiền, việc cúng ruộng cho chùa cũng được các chúa và dân chúng quan tâm. Dựa vào những văn bia hậu hiện còn của một số địa phương, chúng ta thấy được việc cúng ruộng đất cho chùa ở các thế kỷ XVII, XVIII diễn ra khá phổ biến. Theo thống kê bia hậu thế kỷ XVII-XVIII của nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc Quỳnh, trong số 22 tỉnh ở phía Bắc đã có đến 112 bia hậu, trong đó nhiều nhất là các tỉnh Bắc Ninh (29 bia), Hà Đông (20 bia), Hải Dương (10), còn các tỉnh còn lại có trung bình từ 2-3 bia. Về thành phần xã hội của những người cúng ruộng cho chùa thì cũng theo tài liệu này cho biết trong các bia hậu ở 22 tỉnh trên có đến 14 người là quan lại và những người trong hoàng tộc (chiếm 11%); cung nữ, phi tần: 22 người (chiếm 17%), thái giám: 4 người (chiếm 3,1%), không quan tước: 88 người (chiếm 68%), còn lại 2 người (chiếm 0,9%) không rõ thân phận. Ngoài ra, tài liệu này cũng cho biết số người cúng ruộng cho chùa trên 5 mẫu là 15 người; số người cúng tiền cho chùa trên 200 quan là 8 người; số người cúng cả ruộng lẫn tiền cho chùa là 52 người [7]. Qua các số liệu trên chúng ta có thể khẳng định ruộng chùa trong giai đoạn này đã chiếm một diện tích đáng kể trong tổng số ruộng đất của cả nước.

Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ này của ruộng chùa đã không kéo dài được lâu, 30 năm chiến tranh giữa quân Tây Sơn với quân Nguyễn Ánh đã làm cho Phật giáo sa sút nghiêm trọng, phần lớn chùa chiền bị tiêu hủy, chuông tượng kinh sách bị hư hoại, cơ sở kinh tế, đặc biệt là ruộng đất của các chùa do đó cũng bị thất lạc, suy giảm nhiều.

2.5. Ruộng chùa nửa đầu thế kỉ XIX

Sau khi đánh bại phong trào Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu Gia Long, lập ra triều Nguyễn. Khai sinh từ một cuộc nội chiến với chiến thắng từ sự trợ giúp của lực lượng ngoại bang nên ngay từ khi thành lập triều Nguyễn đã chủ trương thiết lập một nhà nước quân chủ chuyên chế, lấy Nho giáo làm chỗ dựa tinh thần nhằm tăng cường sức mạnh đối phó với ý thức phản kháng của các lực lượng chống đối. Vì thế, Phật giáo cũng như các tôn giáo khác không được giới cầm quyền nhà Nguyễn coi trọng, thậm chí còn bị đối xử khắc khe, nhiều năm chiến tranh cũng làm cho tôn giáo này bị suy giảm đáng kể nhưng với ảnh hưởng sâu rộng của mình, ngay từ triều Gia Long, Phật giáo đã nhanh chóng phục hồi và sớm tìm lại được chỗ đứng của mình, hàng loạt chùa chiền được trùng tu, và xây mới khắp cả nước, đến đời vua Minh Mạng và Thiệu Trị hoạt động này càng trở nên sôi động với quy mô ngày càng lớn hơn.

Cùng với sự ra đời và phát triển của các ngôi chùa là sự xuất hiện của ruộng chùa. Nếu diện tích ruộng chùa bị giảm sút nghiêm trọng vào cuối thế kỉ XVIII thì sang nửa đầu thế kỉ XIX, chúng ta lại thấy một sự phục hồi rất nhanh chóng của bộ phận ruộng đất này. Bởi lẽ, hầu như tất cả các tầng lớp trong xã hội từ vua, hoàng tộc, quan lại cho đến tầng lớp bình dân tùy theo khả năng của mình đều ít nhiều có đóng góp ruộng đất cho chùa. Thực tế này đã phản ánh trong *Việt Nam Phật giáo sử luận* khi ông cho rằng: “Đến đây, từ trên vua quan cho đến thứ dân, ai ai cũng an trí đạo Phật là ở sự cúng cấp cầu đảo chứ không biết gì khác nữa” [10, tr.229].

Trong các tài liệu thành văn của triều Nguyễn cũng như tài liệu văn khắc tại các chùa chúng ta dễ dàng tìm thấy những ghi chép về việc cúng ruộng cho chùa. Chẳng hạn như Bia “Sắc tứ Từ Hiếu tự” mặt sau của bia còn ghi rõ tầng lớp hoàng thân, quan lại cúng tiền bạc và ruộng để xây dựng chùa Từ Hiếu [9]. Hay trong Châu Bản triều Nguyễn cũng cho biết “ngày 7 tháng 7 năm Minh Mạng thứ 5, vua đã lấy ruộng công ở 3 phường An Định Nha, An Hương Nha và Phương Xuân cấp cho chùa Long Phước để lo việc phụng thờ [3; tr. 37]. Sách *Hàm Long sơn chí* cũng có chép về việc cúng ruộng cho chùa: “*Gia Long năm thứ 10, Tân Mùi (1811). Nhận lệnh chỉ dụ, cấp cho 41 mẫu ruộng, năm nay phụng chỉ. Mua tư điền 30 mẫu lẻ, đất ương giống 11 mẫu lẻ, tọa lạc tại địa phận xã An Nhơn, huyện Đãng Xương, đem cấp cho chùa làm ruộng Tam Bảo. Chuẩn giả điền thổ giao cho chùa lo việc hương hỏa đầy đủ số ruộng là 22 mẫu. Lại có Nguyễn Đông Lý Cửu Ngọc Hậu cúng ruộng 3 mẫu 4 sào. Cô không tên cúng 2 mẫu ruộng. Ni cô pháp danh Tánh Tâm tự Thiện Nhân cúng 100 quan. Vợ chồng tên Chủ Yên cúng ruộng 1 mẫu để ký thác phần mộ thân vị cha mẹ của họ thờ ở chùa. Ruộng đất trước sau bao gồm 69 mẫu 4 sào lẻ* [9]. Thậm chí, có những người dân không có ruộng nhưng giàu có cũng sẵn sàng bỏ tiền ra mua ruộng để cúng cho chùa của làng mình: “*Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) sau khi cúng đường tiền, đúc chuông cho làng Lai Thành (Huế) ông Đình đã mua ruộng cúng cho chùa làng mình làm ruộng hương hỏa*” [9].

Với sự quan tâm cúng dường của đông đảo tín đồ Phật tử, nhiều chùa, đặc biệt là các chùa quanh kinh thành đã sở hữu một diện tích ruộng đất không hề nhỏ. Điển hình như chùa Báo Quốc (Huế) “*Năm Gia Long thứ 10, có 69 mẫu 4 sào ruộng Tam Bảo.*” [9]. Hay như Chùa Diệu Đế có đến 41 mẫu, 3 sào, 5 thước 5 tấc” [9].

Nếu các thời kì trước, ruộng chùa được nhà nước hoàn toàn miễn thuế thì đến triều Nguyễn trừ những ruộng vua cấp cho các ngôi chùa công, còn lại tất cả ruộng chùa đều phải đóng thuế. Năm 1805, vua Gia Long đã quy định mức thuế ruộng chùa: “*Từ Quảng Bình vào Phú Yên phàm dân sở tại có ruộng tam bảo thì nhà nước thu thuế. Thuế xem như ruộng công, tư có 3 bậc: nhất, nhì, ba*” [6, tr 252]. Đến thời Minh Mạng và Thiệu Trị, mặc dù rất ưu ái cho Phật giáo nhưng lệ đánh thuế ruộng chùa vẫn được thực hiện. Điều đó cho thấy diện tích ruộng chùa dưới triều Nguyễn đã chiếm một diện tích khá lớn trong sở hữu ruộng đất nói chung nên nhà nước buộc phải thu thuế để tăng nguồn thu cho ngân khố, đồng thời để quản lý bộ phận ruộng đất này.

3. Kết luận

Như vậy, từ khi đất nước được hoàn toàn độc lập tự chủ đến triều Nguyễn, Phật giáo Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển thăng trầm. Cùng với sự hưng suy của Phật giáo, việc ban cấp hay cúng ruộng đất cho chùa của triều đình lẫn các tầng lớp nhân dân cũng nhiều ít khác nhau, nhưng nhìn chung trong suốt thời gian này, tình hình cúng ruộng đất cho chùa diễn ra khá liên tục và phổ biến ở khắp các địa phương giúp cho ruộng chùa chiếm giữ một vị trí đáng kể trong chế độ sở hữu ruộng đất của cả nước. Điều đó đã khẳng định sức sống mạnh mẽ của Phật giáo trong lòng dân tộc Việt, đồng thời cũng phản ánh một tinh thần nhập thế tích cực của tôn giáo này trong mọi mặt của đời sống xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Đại Doãn (1997), *Lê Thánh Tông (1442 - 1497) - Con người và sự nghiệp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Dữ (1971), *Truyện kì mạn lục*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Lý Kim Hoa (2003), *Sưu tầm và biên dịch, Châu bản triều Nguyễn - tư liệu Phật giáo*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Quang Ngọc (2007), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [5] Trương Hữu Quýnh (1982), *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam từ thế kỷ XI - XVIII, Tập 1*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6] Quốc Sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb Sử học, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Ngọc Quỳnh (2012), *Tục cúng hậu và lập bia hậu của nước ta trong lịch sử*, <http://vanhoanghean.com.vn>.
- [8] Nguyễn Tài Thư (1991), *Lịch sử Phật Giáo Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Thích Thiện Tuệ, *Ruộng chùa Huế dưới thời các vua Nguyễn (1802 - 1945)*, <http://www.lieuquanhue.vn/thien-mon-xu-hue/>, cập nhật ngày 04/07/2009.
- [10] Thích Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

(BBT nhận bài: 01/07/2014, phản biện xong: 08/08/2014)